TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 189/2023/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 12 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn C, hyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: Số 74A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Lê Thị P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên lạc: Số A18.C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 318, quyển II, cấp ngày 13/12/2008.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P có 03 người con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 23/01/2005; Nguyễn Lê Kim T, sinh ngày 26/6/2008 và Nguyễn Lê Tấn T, sinh ngày 27/12/2017. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị P được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của ông

Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/01 người con, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2023 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3]. Về T sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, thỏa thuận không tranh chấp về T sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P có 03 người con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 23/01/2005; Nguyễn Lê Kim T, sinh ngày 26/6/2008 và Nguyễn Lê Tấn T, sinh ngày 27/12/2017. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị P được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, vì quyền lợi của con, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/01 người con, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2023 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004227 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu